

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CHỨC NĂNG BUỘC TỘI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

LÊ HUỲNH TẤN DUY* - ĐINH VĂN ĐOÀN**

Tóm tắt: Chức năng buộc tội là một chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự. Sự tồn tại, vận động của nó sẽ quyết định sự tồn tại, vận động của các chức năng tố tụng khác. Nghiên cứu cho thấy một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về chức năng buộc tội vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, phân tích quy định của pháp luật và đưa ra các định hướng hoàn thiện chức năng buộc tội phù hợp với thực tiễn, với quan điểm của Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Chức năng buộc tội; tố tụng hình sự; tùy nghi truy tố; thỏa thuận nhận tội; hoãn truy tố

Ngày nhận bài: 14/4/2025; Biên tập xong: 30/5/2025; Duyệt đăng: 23/6/2025

IMPROVING VIETNAM'S CRIMINAL PROCEDURE LAW ON THE ACCUSATORY FUNCTION IN THE NEW ERA

Abstract: The accusatory function is a fundamental component of criminal procedure. Its existence and operation determine the existence and operation of other procedural functions. Research indicates that certain provisions of the current Vietnamese criminal procedure law on this function remain limited. In this article, the authors clarify several theoretical issues, analyze relevant legal provisions and propose orientations for improving the accusatory function in a manner that aligns with practice and the Communist Party of Vietnam's viewpoint on continuing to build and perfect the socialist rule-of-law state in the new era.

Keywords: Accusatory function; criminal procedure; prosecutorial discretion; plea bargaining; deferred prosecution

Received: Apr 14th, 2025; Editing completed: May 30th, 2025; Accepted for publication: Jun 23rd, 2025

1. Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự theo hướng xác định rõ chủ thể thực hiện chức năng buộc tội

Việc xác định chủ thể thực hiện chức năng buộc tội là một nội dung quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự (TTHS). Ở Việt Nam, trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 chưa có sự phân chia rõ ràng, rành mạch giữa các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng cơ bản nói chung và các chủ thể thực hiện hiện chức năng buộc tội nói riêng. Chương III và Chương IV BLTTHS năm 2015 quy định các chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS theo nhóm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham

gia tố tụng. Cách quy định này dẫn đến sự không nhất quán trong việc xác định phạm vi những chủ thể nào là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội. Điều này cũng làm cho việc quy định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể buộc tội dễ bị chồng lấn lên nhau, dẫn đến sự thiếu bình đẳng giữa các chủ thể tố tụng, khó bảo đảm tranh tụng thực chất trong quá trình giải quyết vụ án hình sự (VAHS). Ngoài ra, nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm

* Email: Lhtduy@hcmulaw.edu.vn

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó trưởng Khoa Luật hình sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

** Email: Dvdoan@hcmulaw.edu.vn

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Giảng viên Khoa Luật hình sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

2015 cho thấy mặc dù thuộc cùng một nhóm chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc nhóm chủ thể tham gia tố tụng nhưng các chủ thể đó thực hiện các chức năng tố tụng khác nhau và/hoặc một chủ thể có thể thực hiện nhiều chức năng tố tụng.

Trước thực trạng pháp luật như trên, trong khoa học pháp lý TTHS Việt Nam, vấn đề xác định chủ thể thực hiện chức năng buộc tội cũng đang có sự khác nhau giữa các nhà nghiên cứu. Có quan điểm cho rằng chủ thể thực hiện chức năng buộc tội bao gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát¹. Quan điểm khác cho rằng chủ thể thực hiện chức năng buộc tội bao gồm cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát². Tuy nhiên, cũng có tác giả cho rằng ngoài các cơ quan trên thì bị hại, người đại diện của bị hại cũng là một chủ thể thực hiện chức năng buộc tội³. Theo quan điểm này, mặc dù không quy định chủ thể tố tụng theo chức năng tố tụng, không chính thức quy định bị hại là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, nhưng một số quy định cụ thể tại Điều 62 BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận cho bị hại các quyền hưởng đến việc buộc tội. Bên cạnh đó, do hình thức buộc tội ở Việt Nam là công tố nên vai trò buộc tội của bị hại khá mờ nhạt, mang tính chất hỗ trợ cho công tố⁴. Ngoài ra, liên quan đến chức năng buộc tội của bị hại cũng có những quan điểm

khác nhau. Có quan điểm cho rằng bị hại là chủ thể buộc tội chỉ trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại⁵. Trong khi đó, quan điểm khác lại cho rằng bị hại là chủ thể buộc tội trong tất cả VAHS có bị hại chứ không chỉ giới hạn trong VAHS được khởi tố theo yêu cầu của họ, vì trước Tòa án, người bị hại có đầy đủ các quyền của một bên tranh tụng⁶.

Sự chưa thống nhất trong khoa học pháp lý và quy định của pháp luật về các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội như trên phải được khắc phục. Chỉ khi xác định một cách hợp lý về chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, chúng ta mới có thể quy định đúng các vấn đề liên quan như quyền và nghĩa vụ, mối quan hệ giữa các chủ thể cùng thực hiện chức năng buộc tội, cũng như mối quan hệ giữa các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội với các chủ thể thực hiện chức năng tố tụng khác. Việc phân định rõ ràng các chủ thể thực hiện chức năng TTHS sẽ bảo đảm các hoạt động tố tụng mang tính chuyên môn hóa cao, nâng cao hiệu quả thực hiện các chức năng tố tụng.

Trong thời gian qua, một số nhà nghiên cứu chia sẻ đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS theo hướng phân định rõ các chủ thể dựa vào ba chức năng cơ bản bao gồm chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, chủ thể thực hiện chức năng bào chữa, chủ thể thực hiện chức năng xét xử, chủ thể khác tham gia tố tụng⁷. Các đề xuất này đã dựa trên những cơ sở khoa học như thực trạng quy định của pháp luật TTHS về chức năng buộc tội, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, trong đó yêu cầu xây dựng chế định tư

¹ Trần Văn Độ (2022), "Các mô hình tố tụng và vấn đề tranh tụng trong TTHS Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự hiện nay - Lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Huế và Đại học tổng hợp quốc gia Tula, tr. 174.

² Nguyễn Thị Huyền Trang, "Phương hướng hoàn thiện lý luận về chức năng buộc tội trong TTHS Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 01/2021, tr. 30.

³ Theo tác giả Nguyễn Thái Phúc, ngoài những chủ thể trên nguyên đơn dân sự cũng tham gia thực hiện chức năng buộc tội để bảo vệ lợi ích của cá nhân. Xem Nguyễn Thái Phúc (2007), "Những chức năng cơ bản trong TTHS", *Tạp chí Kiểm sát*, trích dẫn bởi Nguyễn Thái Phúc, *Suy đoán vô tội và lợi thế của bên bào chữa*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2024, tr. 221.

⁴ Lê Thị Thúy Nga (2019), *Chủ thể buộc tội trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 60.

⁵ Nguyễn Đức Thái, "Quyền buộc tội của người bị hại trong TTHS", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 01/2015, tr. 35.

⁶ Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát*, Kỷ yếu đề tài khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, tr. 27.

⁷ Trần Văn Độ, tldd, tr. 174; Lê Thị Thúy Nga, tldd, tr. 128; Trần Minh Ngọc (2023), *Chức năng buộc tội trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, tr. 158-159.

pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; cùng với xu hướng tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tiến bộ, hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng.

Với những phân tích, đánh giá ở trên, nhóm tác giả nhận thấy trong kỷ nguyên mới, các nhà lập pháp cần quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS theo hướng phân định rõ ràng chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng nói chung và chức năng buộc tội nói riêng. Điều này sẽ tránh sự xung đột giữa các chủ thể khi thực hiện chức năng, đảm bảo cho các chủ thể thực hiện đúng chức năng, từ đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, nâng cao hiệu quả giải quyết vụ án, thể hiện được tính công bằng, dân chủ trong TTHS. Đặc biệt, cần khẳng định vị trí, vai trò của bị hại trong việc thực hiện chức năng buộc tội, từ đó hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị hại để phù hợp với chức năng tố tụng của họ. Lịch sử phát triển của khoa học luật TTHS thế giới cho thấy nạn nhân của tội phạm (crime victims) từ chỗ là một người bị lãng quên (forgotten man) đã ngày càng được quan tâm nhiều hơn⁸, nhất là tại các quốc gia có quan điểm phi truyền thống, cởi mở về đặc điểm của trách nhiệm hình sự⁹ và TTHS. Trên thế giới hiện nay, buộc tội nhân danh nhà nước đang chiếm ưu thế trong tất cả các mô hình TTHS, tuy nhiên vai trò buộc tội của người bị hại vẫn tồn tại ở nhiều quốc gia, góp phần bảo đảm sự cân đối giữa lợi ích nhà nước và lợi ích cá nhân; nhấn mạnh

tính nhân văn, hài hòa trong việc xử lý tội phạm trong khi vẫn thừa nhận lợi ích nhà nước là yếu tố tiên quyết. Ở một số quốc gia như Liên bang Nga, Phần Lan, vai trò buộc tội độc lập của người bị thiệt hại (tư tố) vẫn được ghi nhận. Tại Hoa Kỳ, dù về cơ bản người bị hại (nạn nhân) tham gia tố tụng với vai trò như một nhân chứng song ở một số Tòa án (ví dụ: Arkansas, Kentucky, North Carolina và Tennessee), người bị hại vẫn có thể thực hiện tư tố nhưng phải chịu mọi phí tổn¹⁰. Ngoài ra, việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS năm 2015 của Việt Nam cũng đặt ra yêu cầu xác định rõ vai trò của bị hại với tư cách là một bên chủ thể của tranh tụng, chủ thể của chức năng buộc tội.

2. Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự theo hướng xác định rõ thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của chức năng buộc tội

Việc xác định rõ thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của chức năng buộc tội có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận, pháp lý và thực tiễn. Đây là một yêu cầu bắt buộc trong TTHS nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của các bên trong TTHS, góp phần bảo đảm tính công bằng, khách quan và hiệu quả trong quá trình tố tụng. Trong mối quan hệ với các chức năng tố tụng khác, chức năng buộc tội đóng vai trò quyết định, là cơ sở xuất hiện chức năng bào chữa và chức năng xét xử, là đòn bẩy đưa bộ máy tố tụng vào hoạt động. Với định hướng hoạt động hướng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Sự xuất hiện của chức năng buộc tội kéo theo sự xuất hiện của chức năng bào chữa và chức năng xét xử¹¹, không có buộc tội sẽ dẫn đến không có bào chữa và không có xét xử, khi buộc tội chấm dứt thì các chức năng khác cũng phải chấm dứt. Việc xác định thống nhất, chặt chẽ thời điểm bắt đầu và kết thúc

⁸ Tham khảo J. Goodey, *Victims and Victimology: Research, Policy and Practice* (2005, Harlow: Pearson Education Limited), trích trong Jana Bednarova, "The Heart of the Criminal Justice System: A Critical Analysis of the Position of the Victim", *Internet Journal of Criminology*; Anne M. Morgan, "Victim rights: Criminal Law: Remembering the Forgotten person in the Criminal Justice System", *Marquette Law Review*, 70/1987, p. 572-597.

⁹ Gordon Bazemore, Mark Umbreit, "Rethinking the Sanctioning Function in Juvenile Court: Retributive or Restorative Responses to Youth Crime", *Crime Delinquency*, 41(3)/1995.

¹⁰ Nguyễn Văn Tuấn, *Một số vấn đề của luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015, tr. 168, trích dẫn bởi Lê Thị Thúy Nga, tđđ, tr. 50.

¹¹ Trần Minh Ngọc, tđđ, tr. 41.

của chức năng buộc tội sẽ đặt nền móng cho các quy định của pháp luật TTTHS trong việc quy định các vấn đề pháp lý liên quan đến chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, bảo đảm hiệu quả thực hiện chức năng này trên thực tiễn. Bên cạnh đó, nó còn là cơ sở cho việc xác định chính xác phạm vi các chủ thể bị buộc tội, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể bị buộc tội.

Về mặt khoa học, việc xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của chức năng buộc tội vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng chức năng buộc tội bắt đầu khi có quyết định khởi tố bị can và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật¹². Quan điểm thứ hai cho rằng chức năng buộc tội xuất hiện khi có quyết định khởi tố bị can, nhưng trong một số trường hợp có thể xuất hiện sớm hơn khi có người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.¹³ Quan điểm thứ ba cho rằng chức năng buộc tội xuất hiện sớm hơn, đó là khi khởi tố vụ án, thậm chí trước khi khởi tố vụ án trong trường hợp khám nghiệm hiện trường và kết thúc khi bản án kết tội có hiệu lực pháp luật hoặc kết thúc khi tại phiên tòa Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố¹⁴...

BLTTHS năm 2015 chưa quy định chủ thể theo chức năng buộc tội nên việc xác định thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của chức năng buộc tội cũng chưa được quy định cụ thể. Điều này đã dẫn đến các quy định của BLTTHS thiếu sự nhất quán trong việc xác định tư cách người bị buộc tội, ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền và lợi ích của họ. Ví dụ khi áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đã xuất hiện chức năng buộc tội hay chưa? Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có phải là người bị

buộc tội không? Theo điểm đ khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015, họ không phải người bị buộc tội, nhưng Điều 58 BLTTHS năm 2015 lại trao cho chủ thể này các quyền đặc trưng của người bị buộc tội như quyền bào chữa, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội. Ngoài ra, quy định tại khoản 1 Điều 159 BLTTHS năm 2015 cho thấy khi Viện kiểm sát “đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện” là đã được xem là thực hành quyền công tố. Như vậy, không có lý do gì để không xem người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (người đã bị tước tự do) là người đang bị buộc tội¹⁵.

Bên cạnh đó, việc chưa xác định rõ ràng thời điểm kết thúc của việc thực chức năng buộc tội và hệ quả của nó dẫn đến quy định trường hợp Viện kiểm sát đã rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa nhưng Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án (khoản 1 Điều 325 BLTTHS năm 2015). Quy định này đi ngược lại lý luận về mối quan hệ giữa các chức năng cơ bản trong TTTHS, có buộc tội thì mới có bào chữa, có buộc tội thì mới có xét xử; khi chức năng buộc tội chấm dứt thì các chức năng khác cũng phải chấm dứt theo.

Sự chưa thống nhất trong các quan điểm khoa học nêu trên và thực trạng quy định của pháp luật TTTHS Việt Nam về thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của chức năng buộc tội đã và đang đặt ra nhu cầu cần tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn liên quan đến thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của chức năng buộc tội, bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ trong quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật, góp phần bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội.

¹² Nguyễn Thái Phúc, tldd, tr. 22.

¹³ Lê Thị Thúy Nga, tldd, tr. 40.

¹⁴ Lê Tiến Châu, “Một số vấn đề về chức năng buộc tội”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3/2003, tr. 71.

¹⁵ Lê Huỳnh Tấn Duy, “Sự không đồng bộ giữa nội dung một số quy định trong BLTTHS năm 2015 và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 04/2021, tr. 01-07.

3. Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự theo hướng giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội

Trên cơ sở phân định rõ ràng các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội trong TTHS, yêu cầu giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa các chủ thể thực hiện chức năng này là một đòi hỏi tất yếu nhưng không đơn giản, nhất là mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát¹⁶. Về lý luận, việc buộc tội có thể được thực hiện bởi những chủ thể với vai trò khác nhau ở các giai đoạn của quá trình giải quyết VAHS. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, chức năng buộc tội được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và Viện kiểm sát. Về bản chất, “thẩm quyền điều tra là thẩm quyền phái sinh, bắt nguồn từ quyền công tố, do đó, mặc dù thẩm quyền điều tra được giao cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện nhưng mọi hoạt động của các cơ quan này đều nằm dưới sự quyết định và giám sát của Viện kiểm sát. Viện kiểm sát giữ vai trò chủ đạo, quyết định tố tụng ở giai đoạn điều tra thông qua việc phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc tự mình ban hành các lệnh, quyết định tố tụng và Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thực hiện các lệnh, quyết định đó”¹⁷. Trong giai đoạn truy tố và xét xử, Viện kiểm

sát giữ vai trò chủ đạo, độc lập thực hiện chức năng buộc tội trên cơ sở hệ thống các chứng cứ phần lớn được thu thập từ giai đoạn điều tra. Việc phân định rõ ràng mối quan hệ giữa các chủ thể buộc tội trong TTHS là một yêu cầu tất yếu nhằm hạn chế tình trạng chông chéo, mâu thuẫn hay đùn đẩy trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng buộc tội, góp phần bảo đảm sự khách quan, chính xác và hợp pháp của quá trình giải quyết vụ án.

Pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành đã quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 49-NQ/TW. Tuy nhiên, đa số các công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng quy định về mối quan hệ giữa các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội là chưa rõ ràng, chưa phù hợp. Đặc biệt, mức độ, giới hạn sự độc lập của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong mối quan hệ với Viện kiểm sát chưa được giải quyết triệt để về lý luận; thiếu cơ chế cho phép Cơ quan điều tra kiến nghị xem xét, giải quyết trường hợp các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra bị Viện kiểm sát hủy bỏ hoặc không phê chuẩn không phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng buộc tội đại diện cho nhà nước với bị hại chưa được xem xét, quy định cụ thể...

Từ những bất cập về mối quan hệ giữa các chủ thể buộc tội, các nhà khoa học đã quan tâm nghiên cứu để đưa ra các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật. Những vấn đề cơ bản, quan trọng liên quan đến việc phân định rõ ràng mối quan hệ giữa các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội được quan tâm bao gồm: (i) Nghiên cứu phân định hợp lý thẩm quyền giữa các chủ thể cùng thực hiện chức năng buộc tội, đặc biệt là địa vị pháp lý, mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và

¹⁶ Lê Huỳnh Tấn Duy, “Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong TTHS Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 2(382)/2020, tr. 64.

¹⁷ Nguyễn Huy Tiến (2022), “Nâng cao hiệu lực thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tr. 150.

Viện kiểm sát, giữa các Cơ quan điều tra với nhau với nhau (các hệ thống, các cấp và các địa phương với nhau); (ii) Phân định thẩm quyền giữa những người tiến hành tố tụng trong những cơ quan này để tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện chức năng buộc tội trong TTHS¹⁸; (iii) Xác định đúng vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra tội phạm theo hướng tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra; công tố chỉ đạo, đặt ra những yêu cầu trong hoạt động điều tra (quy định rõ hơn nội hàm về trách nhiệm và chỉ đạo của công tố với hoạt động điều tra)¹⁹; xây dựng cơ chế để ràng buộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên trong việc thực hiện các quyết định, yêu cầu tố tụng của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên; xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm pháp lý của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong việc đưa ra các yêu cầu, quyết định đối với các Cơ quan điều tra mà không có căn cứ hoặc không đúng pháp luật²⁰.

4. Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự theo hướng đa dạng hóa nội dung chức năng buộc tội của Viện kiểm sát trên cơ sở tiếp biến pháp luật nước ngoài

Nội dung của chức năng buộc tội là tổng thể các hoạt động được thực hiện theo quy định của pháp luật TTHS bởi những chủ thể nhất định nhằm phát hiện, chứng minh tội phạm và người phạm tội, làm căn cứ cho việc xét xử của Tòa án. Đây là cách hiểu theo nghĩa hẹp chỉ nhấn mạnh các hoạt động hướng đến việc buộc tội, còn theo nghĩa rộng thì nội dung chức năng buộc tội có thể bao gồm nhiều vấn

đề khác như nguyên tắc buộc tội, hoãn hoặc miễn buộc tội, phương thức (dạng) buộc tội. Hiện nay, xu hướng đa dạng hóa nội dung chức năng buộc tội của Viện kiểm sát hay cơ quan công tố đang ngày càng được các quốc gia quan tâm. Đối với Việt Nam, nguyên nhân dẫn đến xu hướng này xuất từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới; chủ trương của Đảng về sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước; sự thay đổi trong quan điểm về vai trò của pháp luật hình sự trong phòng ngừa, xử lý tội phạm. Mặt khác, xã hội ngày càng phát triển đòi hỏi sự công bằng, minh bạch trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời chú trọng đến việc phục hồi nhanh chóng, hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân của tội phạm.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những thay đổi trong việc đa dạng hóa nội dung chức năng buộc tội bên cạnh nguyên tắc truy tố bắt buộc (compulsory prosecution). Các quốc gia đã có sự tiếp thu những phương thức buộc tội khác nhau để tạo sự linh hoạt, mềm dẻo, sự cân bằng trong việc bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của cá nhân, đồng thời tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí tố tụng, giúp giải quyết nhanh chóng vụ án và hạn chế tình trạng quá tải cho các cơ quan tố tụng. Các công trình nghiên cứu khoa học đã chỉ ra những nguyên tắc, nội dung của chức năng buộc tội được các quốc gia học tập như như tùy nghi truy tố (prosecutorial discretion), thỏa thuận nhận tội (plea bargain/guilty plea), thỏa thuận hoãn truy tố (deferred prosecution agreement). Trong đó, tùy nghi truy tố có thể được hiểu là quyền của Công tố viên (prosecutor/prosecuting attorney) quyết định nhiều vấn đề liên quan đến việc có truy tố hay không, tính chất của cáo buộc, thương lượng nhận tội và đề xuất bản án²¹. Thỏa thuận nhận tội

¹⁸ Trần Minh Ngọc, tldd, tr. 156.

¹⁹ Nguyễn Đình Quyền (2022), "Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền đến năm 2030", *Kỷ yếu hội thảo khoa học Viện kiểm sát nhân dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tr. 135.

²⁰ Nguyễn Huy Tiến, tldd, tr. 164-165.

²¹ US Legal Definitions, <https://publiccontractinginstitute.com/prosecutorial-discretion/>, truy cập ngày 07/02/2025. Tham khảo thêm Joachim Herrmann, "The Rule of Compulsory Prosecution and the Scope of Prosecutorial Discretion in Germany", *The University of Chicago*

là thỏa thuận giữa bị cáo và Công tố viên, trong đó bị cáo đồng ý nhận tội đối với một số hoặc tất cả cáo buộc chống lại họ để đổi lấy sự nhượng bộ từ Công tố viên. Những thỏa thuận này cho phép các Công tố viên tập trung thời gian và nguồn lực vào các vụ án khác, đồng thời giảm số lượng phiên tòa mà thẩm phán cần giám sát (oversee)²². Thỏa thuận hoãn truy tố là thỏa thuận giữa công ty với Công tố viên, trong đó công ty bị buộc tội nhưng thủ tục tố tụng sẽ tự động được hoãn lại (suspended) với một số điều kiện có thể bao gồm việc thanh toán tiền phạt, thanh toán bồi thường và thực hiện chương trình tuân thủ của công ty²³.

Nghiên cứu cho thấy nguyên tắc tùy nghi truy tố - một nguyên tắc được đề cao tại Hoa Kỳ đã và đang được nghiên cứu, lồng ghép bởi nhiều quốc gia khác, đặc biệt là một số quốc gia châu Âu đã từng thuộc hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa với sự tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc truy tố bắt buộc (Ý, Ba Lan, Croatia, Séc)²⁴. Bên cạnh đó, ở Đông Nam Á, Indonesia là quốc gia có tình trạng tội phạm tham nhũng diễn biến phức tạp và cũng đang có cách tiếp cận rất mạnh mẽ về

thủ tục truy tố loại tội phạm này với việc áp dụng thủ tục thương lượng nhận tội nhằm truy thu tài sản tham nhũng, bù đắp thiệt hại cho xã hội²⁵. Tại Trung Quốc, các nghiên cứu gần đây tập trung vào việc đánh giá tư pháp đàm phán/tư pháp thương lượng (negotiated justice) và chính sách khoan hồng (giảm nhẹ hình phạt) mà quốc gia này áp dụng sau khi ban hành BLTTHS năm 2018²⁶. Trung Quốc cũng là quốc gia đang áp dụng hình thức miễn truy tố có điều kiện (conditional non-prosecution) - một sự tiếp thu có sửa đổi dựa trên thỏa thuận hoãn truy tố của Hoa Kỳ - đối với doanh nghiệp phạm tội²⁷.

Trong TTHS Việt Nam, Viện kiểm sát là cơ quan đại diện cho Nhà nước thực hành quyền công tố, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm công lý, bảo đảm lợi ích chung. Mặc dù nguyên tắc truy tố bắt buộc không được ghi nhận trực tiếp bằng câu chữ, nhưng tinh thần của nguyên tắc này được thể hiện thông qua quy định tại Điều 243 về quyết định truy tố và Điều 248 về quyết định đình chỉ vụ án của BLTTHS năm 2015²⁸. Trong khi đó, pháp luật TTHS Việt Nam chưa ghi nhận các nguyên tắc, chế định tạo sự mềm dẻo, linh hoạt cho Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng buộc tội như pháp luật một số quốc gia đã đề cập ở trên.

Vấn đề đa dạng hóa nội dung chức năng buộc tội của Viện kiểm sát đã được nhiều học giả trong nước quan tâm. Các công trình nghiên cứu tiếp cận nội dung này ở nhiều khía cạnh, tuy nhiên hướng nghiên cứu chính là chỉ ra xu hướng phát triển theo hướng đa dạng hóa nội dung chức năng buộc tội như

University Law Review, 41/1974, p. 468-505; Rebecca Krauss, "The Theory of Prosecutorial Discretion in Federal Law: Origins and Developments", *Seton Hall Circuit Review*, 6(1)/2009, p. 01-28; Rosa Anna Ruggiero, "Prosecutorial Discretion vs. Mandatory Prosecution: The Italian Case of Corporate Crimes", *Revista Ítalo-Española de Derecho Procesal*, 2022, 5-9.

²² Cornell Law School, *Plea bargain*, https://www.law.cornell.edu/wex/plea_bargain, truy cập ngày 07/02/2025. Tham khảo thêm Lê Huỳnh Tấn Duy, "Chế định mặc cả nhận tội theo pháp luật Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 5/2018, tr. 45-53.

²³ The Crown Prosecution Service, *Deferred Prosecution Agreements*, <https://www.cps.gov.uk/deferred-prosecution-agreements>, truy cập ngày 07/02/2025.

²⁴ Lê Lan Chi, Mai Thanh Sơn (2023), "Một số xu hướng nghiên cứu gần đây của khoa học luật TTHS thế giới và Việt Nam", *Diễn đàn luật học mùa thu lần thứ 3, Chuyên đề "Những phát triển mới của luật học thế giới và Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp hình sự và tội phạm học"*, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 7. Tham khảo thêm Lê Chi Lan và các tác giả khác, "Mandatory Prosecution in the Changing Time: A Systematic Literature Review", *Criminal Justice Ethics*, 2025.

²⁵ Lê Lan Chi, Mai Thanh Sơn, tđđ, tr. 7.

²⁶ Lê Lan Chi, Mai Thanh Sơn, tđđ, tr. 8.

²⁷ Nguyễn Thị Thu Hằng, Vũ Thị Quyên (2024), "Miễn truy tố có điều kiện đối với pháp nhân theo pháp luật Hoa Kỳ, Trung Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo quốc gia "Trách nhiệm hình sự, miễn và giảm trách nhiệm hình sự"*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 538-539.

²⁸ Võ Minh Kỳ, Võ Thị Hồng Phượng, "Quyền công tố trong nền dân chủ và nguyên tắc tùy nghi truy tố", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 9/2018, tr. 67.

nhều quốc gia trên thế giới. Các nhà khoa học đã kiến nghị các cơ quan lập pháp cần nghiên cứu bổ sung các chế định như tày nghi truy tố, thỏa thuận nhận tội, hoãn truy tố/miễn truy tố có điều kiện²⁹. Việc đa dạng hóa các nội dung của chức năng buộc tội là một xu hướng. Tuy nhiên, Việt Nam cũng nên cân nhắc thận trọng, bảo đảm việc tiếp thu, biến đổi các nội dung này một cách hợp lý, có lộ trình và đúng thời điểm khi các điều kiện về nhận thức, bảo đảm thực thi đã sẵn sàng để phát huy tối đa ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của các chế định này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Tiến Châu, “Một số vấn đề về chức năng buộc tội”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3/2003;
2. Lê Lan Chi, Mai Thanh Sơn, “Một số xu hướng nghiên cứu gần đây của khoa học luật TTHS thế giới và Việt Nam”, *Diễn đàn luật học mùa thu lần thứ 3, Chuyên đề “Những phát triển mới của luật học thế giới và Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp hình sự và tội phạm học”*, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
3. Lê Huỳnh Tấn Duy, “Chế định mặc cả nhận tội theo pháp luật Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 5/2018;
4. Lê Huỳnh Tấn Duy, “Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong TTHS Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 2(382)/2020;
5. Trần Văn Độ (2022), “Các mô hình tố tụng và vấn đề tranh tụng trong TTHS Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự hiện nay - Lý luận và thực tiễn”*, Trường Đại học Luật Huế và Đại học Tổng hợp quốc gia Tula;
6. Nguyễn Thị Thu Hằng, Vũ Thị Quyên (2024), “Miễn truy tố có điều kiện đối với pháp nhân theo pháp luật Hoa Kỳ, Trung Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Trách nhiệm hình sự, miễn và giảm trách nhiệm hình sự”*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
7. Lan Chi Le, Son Thanh Mai, Yen Hai Hoang, Duc Quang Nguyen, Thanh Nga Pham & Hai Thanh Luong (2025), “Mandatory Prosecution in the Changing Time: A Systematic Literature Review”,

²⁹ Võ Minh Kỳ, Võ Thị Hồng Phượng, tđđ, tr. 70; Lê Huỳnh Tấn Duy, “Chế định mặc cả nhận tội theo pháp luật Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 5/2018, tr. 49; Nguyễn Huy Tiến, tđđ, tr. 167; Nguyễn Thị Thu Hằng, Vũ Thị Quyên, tđđ, tr. 544-549.

Criminal Justice Ethics;

8. Võ Minh Kỳ, Võ Thị Hồng Phượng, “Quyền công tố trong nền dân chủ và nguyên tắc tày nghi truy tố”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 9/2018;
9. Lê Thị Thúy Nga (2019), *Chủ thể buộc tội trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội;
10. Trần Minh Ngọc (2023), *Chức năng buộc tội trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội;
11. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát*, Kỷ yếu đề tài “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
12. Nguyễn Thái Phúc, *Suy đoán vô tội và lợi thế của bên bào chữa*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2024;
13. Nguyễn Đình Quyền (2022), “Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền đến năm 2030”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
14. Nguyễn Đức Thái, “Quyền buộc tội của người bị hại trong TTHS”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 01/2015;
15. Nguyễn Huy Tiến (2022), “Nâng cao hiệu lực thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
16. Nguyễn Thị Huyền Trang, “Phương hướng hoàn thiện lý luận về chức năng buộc tội trong TTHS Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 01/2021;
17. Jana Bednarova, “The Heart of the Criminal Justice System: A Critical Analysis of the Position of the Victim”, *Internet Journal of Criminology*;
18. Joachim Herrmann, “The Rule of Compulsory Prosecution and the Scope of Prosecutorial Discretion in Germany”, *The University of Chicago University Law Review*, 41/1974, p. 468-505;
19. Rebecca Krauss, “The Theory of Prosecutorial Discretion in Federal Law: Origins and Developments”, *Seton Hall Circuit Review*, 6(1)/2009, p. 01-28;
20. Rosa Anna Ruggiero, “Prosecutorial Discretion vs. Mandatory Prosecution: The Italian Case of Corporate Crimes”, *Revista Ítalo-Española de Derecho Procesal*, 2022, p. 5-9.